

TR



GT.0000027044

C THÁI NGUYÊN

H TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

TS. TRAN NHUẬN KIÊN (Chủ biên)

# GIÁO TRÌNH KINH TẾ QUỐC TẾ



GUYÊN  
LIỆU



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI



**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**  
**TS. TRẦN NHUẬN KIÊN**

**GIÁO TRÌNH**  
**KINH TẾ QUỐC TẾ**

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI**  
**HÀ NỘI - 2013**



## MỤC LỤC

	Trang
NHỮNG THUẬT NGỮ TIẾNG ANH THƯỜNG ĐƯỢC SỬ DỤNG ....	8
LỜI NÓI ĐẦU.....	13

### Chương 1

#### TỔNG QUAN VỀ NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ MÔN HỌC KINH TẾ QUỐC TẾ ..... 15

1. Quá trình hình thành và phát triển của nền kinh tế thế giới... 15	15
2. Tổng quan về thương mại thế giới ..... 29	29
3. Tổng quan về đầu tư nước ngoài..... 56	56
4. Nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế ..... 62	62

### Chương 2

#### LÝ THUYẾT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ..... 73

1. Chủ nghĩa trọng thương ..... 73	73
2. Lợi thế tuyệt đối ..... 76	76
3. Lợi thế so sánh ..... 82	82
4. Lý thuyết Heckscher-Ohlin..... 92	92
5. Giới thiệu một số lý thuyết thương mại quốc tế hiện đại ..... 107	107

**Chương 3****CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....113**

1. Khái niệm và nhiệm vụ của chính sách thương mại quốc tế 113
2. Những lý do căn bản cho sự can thiệp của chính phủ..... 114
3. Những công cụ chủ yếu của chính sách thương mại quốc tế  
..... 119

**Chương 4****TRAO ĐỔI QUỐC TẾ CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT ....147**

1. Trao đổi quốc tế về vốn..... 147
2. Di chuyển quốc tế về sức lao động ..... 170
3. Tác động của di chuyển quốc tế về sức lao động..... 172

**Chương 5****TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI VÀ THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI.....176**

1. Tỷ giá hối đoái ..... 177
2. Thị trường ngoại hối ..... 199

**Chương 6****CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ .....212**

1. Khái niệm và vai trò của cán cân thanh toán quốc tế.....212
2. Kết cấu của cán cân thanh toán quốc tế ..... 216
3. Nguyên tắc hạch toán..... 221
4. Các nhân tố ảnh hưởng đến cán cân thanh toán quốc tế..... 229
5. Cân đối cán cân thanh toán quốc tế..... 232

**Chương 7**

**LIÊN KẾT KINH TẾ QUỐC TẾ .....237**

1. Quá trình hình thành và phát triển của liên kết kinh tế quốc tế..237

2. Khái niệm và nguyên nhân dẫn đến liên kết kinh tế quốc tế239

3. Các hình thức liên kết kinh tế quốc tế.....245

4. Tác động của liên kết kinh tế quốc tế.....249

**TÀI LIỆU THAM KHẢO.....258**

## **NHỮNG THUẬT NGỮ TIẾNG ANH THƯỜNG ĐƯỢC SỬ DỤNG**

**Ad valorem tariff:** Thuế suất theo giá trị

**AFTA (ASEAN Free Trade Area):** Khu vực mậu dịch tự do ASEAN

**Arbitration:** Nghiệp vụ chuyển hồi

**Absolute Advantage:** Lợi thế tuyệt đối

**Buffer-stock:** Thỏa thuận dự trữ đệm

**Comparative Advantage:** Lợi thế so sánh

**Complete specialization:** Chuyên môn hóa hoàn toàn

**Compound tariff:** Thuế quan hỗn hợp

**Consumer surplus:** Số dư của người tiêu dùng

**Consortium:** Công-xoóc-xi-um

**Constant returns to scale:** Lợi suất theo quy mô không đổi

**Capital account:** Tài khoản vốn

**Current account:** Tài khoản vãng lai

**Central Banks:** Ngân hàng Trung ương

**Deadweight loss:** Tồn thất rỗng

**Devaluation:** Phá giá tiền tệ

**Direct quotation:** Phương pháp yết giá trực tiếp

**Dumping:** Bán phá giá

**Duty-free zone:** Vùng miễn thuế



Double-entry Bookkeeping: Nguyên tắc ghi sổ kép

Effective rate of protection: Mức độ bảo hộ thực tế

European Free Trade Area (EFTA): Khu vực mậu dịch tự do châu Âu

Evaluation: Nâng giá tiền tệ

Export-oriented Industrialization: Công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu

Export subsidies: Trợ cấp xuất khẩu

Factor abundance: Yếu tố dư thừa

Factor endowment: Nguồn lực sản xuất vốn có

Factor intensity: Yếu tố thâm dụng

Factor price equalization: Cân bằng giá cả yếu tố sản xuất

Factor-proportions theory: Lý thuyết tỷ lệ cân đối các yếu tố sản xuất

FDI (Foreign Direct Investment): Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Fixed exchange rate: Tỷ giá hối đoái cố định

Foreign exchange market: Thị trường ngoại hối

Forward exchange rate: Tỷ giá hối đoái giao sau

Forward operation: Nghiệp vụ kỳ hạn

Free floating exchange rate: Tỷ giá hối đoái thả nổi tự do

Foreign Portfolio Investment (FPI): Đầu tư gián tiếp nước ngoài

Gains from exchange: Lợi ích từ trao đổi

Gains from specialization: Lợi ích từ chuyên môn hóa

Gain from trade: Lợi ích từ thương mại

General equilibrium analysis: Phân tích cân bằng tổng thể

Gold standard: Chế độ bản vị vàng

Greenfield investment: Đầu tư mới

Horizontal FDI: Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo chiều ngang

Infant industry argument: Lý lẽ ngành công nghiệp non trẻ

IMF (International Monetary Fund): Quỹ tiền tệ quốc tế

Import quota: Hạn ngạch nhập khẩu

Import Substitution: Thay thế nhập khẩu

Indirect quotation: Phương pháp yết giá gián tiếp

Instruments of trade policy: Các công cụ của chính sách thương mại

International cartel: Các-tên quốc tế

Inter-industry trade: Thương mại liên ngành

International Balance of Payment: Cán cân thanh toán quốc tế

International monetary system: Hệ thống tiền tệ quốc tế

Intra-industry trade: Thương mại nội bộ ngành

Labor-intensive production: Sản xuất cần sử dụng nhiều lao động

Leontief Paradox: Nghịch lý Leontief

Local Content Requirement: Yêu cầu về tỷ lệ nội địa hóa

Managed floating exchange rate: Tỷ giá hối đoái thả nổi có quản lý

Marketing board: Thỏa thuận tiếp thị

Merchantilism: Chủ nghĩa trọng thương